

NỘI DUNG ÔN TẬP CUỐI KỲ - HỌC KỲ I
NĂM HỌC 2021-2022
MÔN: TOÁN
KHỐI: 8

I. Phần 1: Nội dung kiến thức cần ôn tập

1. Các đơn vị kiến thức đã học từ tuần 01 đến hết tuần 13
2. Một số câu hỏi trọng tâm:

Câu 1: Nêu quy tắc nhân đơn thức với đa thức, nhân đa thức với đa thức

Câu 2: Viết 7 hằng đẳng thức đáng nhớ. Mỗi hằng đẳng thức cho 1 VD?

Câu 3: Nêu các phương pháp phân tích đa thức thành nhân tử.
Mỗi phương pháp cho 1 VD.

Câu 4: Nêu quy tắc chia 2 đa thức một biến đã sắp xếp?

Câu 5: Định nghĩa phân thức đại số, định nghĩa hai phân thức bằng nhau.

Câu 6: Nêu quy tắc rút gọn phân thức; quy tắc quy đồng mẫu thức nhiều phân thức.

Câu 7: Nêu các quy tắc cộng các phân thức.

Câu 8: Nêu định nghĩa tứ giác, định lý tổng các góc trong 1 tứ giác

Câu 9: Định nghĩa, tính chất đường trung bình của tam giác, của hình thang. Tính chất đường trung tuyến ứng với cạnh huyền của tam giác vuông

Câu 10: Định nghĩa, tính chất, dấu hiệu nhận biết: Tứ giác, hình thang, hình thang cân, hình bình hành, hình chữ nhật, hình thoi và hình vuông. Vẽ hình minh họa các định nghĩa.

Câu 11: Nêu các tính chất về diện tích đa giác, công thức tính diện tích hình chữ nhật, hình vuông, tam giác.

Phần 2: Một số dạng bài tập minh họa

ĐẠI SỐ

Bài 1. Tính:

a. $2xy(x^2 + xy - 3y^2)$ b. $(x + 2)(3x^2 - 4x)$ c. $(x - 4)(x^2 + 3x - 1)$

d. $(x - 1)(x - x^2 + 4)$ e. $(2x^2 - \frac{1}{3}xy + y^2) \cdot (-2x^3)$ f. $(2x - 1)(x + 2)(3 - x)$

Bài 2. Tính:

a. $(x - 2y)^2$ b. $(x^2 + 3)^2$ c. $(x - 2)(x^2 + 2x + 4)$ d. $(2x - 1)^3$

Bài 3: Rút gọn biểu thức

a. $(4x + 1)^2 + (4x - 1)^2 - 2(1 + 4x)(4x - 1)$ b. $3(2^2 + 1)(2^4 + 1)(2^8 + 1)(2^{16} + 1)$

c. $x(2x^2 - 3) - x^2(5x + 1) + x^2$ d. $3x(x - 2) - 5x(1 - x) - 8(x^2 - 3)$

Bài 4. Tính nhanh:

a. 99^2 b. 96.104 c. $77^2 + 23^2 + 77.46$ d. $105^2 - 5^2$

Bài 5: Tìm x, biết

a. $3x(x-2) - x + 2 = 0$ b. $4x(x-3) - 2x + 6 = 0$
 c. $(x-1)(x+2) - x - 2 = 0$ d. $2x^3 + 4x = 0$ e. $2x^3 - 8x = 0$

Bài 6. Phân tích các đa thức sau thành nhân tử

a) $xy + y^2 - x - y$ b) $25 - x^2 + 4xy - 4y^2$ c) $xy + xz - 2y - 2z$
 d) $x^2 - 6xy + 9y^2 - 25z^2$ e) $3x^2 - 3y^2 - 12x + 12$ g) $x^2 - 5x + 4$
 h) $x^4 - 5x^2 + 4$ i) $2x^2 + 3x - 5$ k) $x^3 - 2x^2 + 6x - 5$

Bài 7. Phân tích các đa thức sau thành nhân tử:

a. $3x^2 - 6x + 9x^2$ b. $10x(x-y) - 6y(y-x)$ c. $3x^2 + 5y - 3xy - 5x$
 d. $3y^2 - 3z^2 + 3x^2 + 6xy$ e. $16x^3 + 54y^3$ f. $x^2 - 25 - 2xy + y^2$

Bài 8. Phân tích đa thức thành nhân tử

a. $5x^2 - 10xy + 5y^2 - 20z^2$ b. $16x - 5x^2 - 3$ c. $x^2 - 5x + 5y - y^2$
 d. $3x^2 - 6xy + 3y^2 - 12z^2$ e. $x^2 + 4x + 3$ f. $(x^2 + 1)^2 - 4x^2$
 g. $x^2 - 4x - 5$ h. $x^5 - 3x^4 + 3x^3 - x^2$

Bài 9. Làm phép chia:

a. $3x^3y^2 : x^2$ b. $(x^5 + 4x^3 - 6x^2) : 4x^2$ c. $(x^3 - 8) : (x^2 + 2x + 4)$
 d. $(x^3 - 3x^2 + x - 3) : (x - 3)$ e. $(2x^4 - 5x^2 + x^3 - 3 - 3x) : (x^2 - 3)$

Bài 10 a. Tìm n để đa thức $3x^3 + 10x^2 - 5 + n$ chia hết cho đa thức $3x + 1$

b. Tìm tất cả các số nguyên n để $2n^2 + n - 7$ chia hết cho $n - 2$

Bài 11: Tìm giá trị nhỏ nhất của biểu thức

1. $A = x^2 - x + 1$ 2. $B = x^2 - 20x + 101$
 3. $C = x^2 - 4xy + 5y^2 + 10x - 22y + 28$

Bài 12: Tìm giá trị lớn nhất của biểu thức

1. $A = 4x - x^2 + 3$ 2. $B = -x^2 + 6x - 11$

Bài 13: CMR

- a. $a^2(a+1) + 2a(a+1)$ chia hết cho 6 với a là số nguyên
 b. $a(2a-3) - 2a(a+1)$ chia hết cho 5 với a là số nguyên
 c. $x^2 + 2x + 2 > 0$ với mọi x
 d. $-x^2 + 4x - 5 < 0$ với mọi x

Bài 14. Thực hiện các phép tính

a) $\frac{x-5}{5} + \frac{1-x}{5}$ b) $\frac{x^2}{x+2} + \frac{4x+4}{x+2}$ c) $\frac{x-7}{4x^2-1} + \frac{x+6}{4x^2-1}$
 d) $\frac{5xy^2 - x^2y}{3xy} + \frac{4xy^2 + x^2y}{3xy}$ e) $\frac{x+1}{a-b} + \frac{x-1}{a-b} + \frac{x+3}{a-b}$ f) $\frac{5xy-4y}{2x^2y^3} + \frac{3xy+4y}{2x^2y^3}$
 g) $\frac{2x^2-xy}{x-y} + \frac{xy+y^2}{y-x} + \frac{2y^2-x^2}{x-y}$ i) $\frac{x+1}{2x-2} + \frac{x^2+3}{2-2x^2}$ k) $\frac{1-2x}{2x} + \frac{2x}{2x-1} + \frac{1}{2x-4x^2}$
 e) $\frac{x^2}{x^2-4} + \frac{1}{x-2} + \frac{1}{x+2}$ f) $\frac{12}{x^2-36} + \frac{1}{x+6}$ g) $\frac{x+1}{x+2} + \frac{3x+2}{x^2-4}$

Bài 15: Cho biểu thức $P = \frac{3}{x+3} + \frac{1}{x-3} + \frac{18}{x^2-9}; x \neq \pm 3$

- a) Rút gọn biểu thức P
 b) Tìm giá trị của x để P = 4

HÌNH HỌC

Bài 1: ΔABC cân tại A, trung tuyến AM. Gọi I là trung điểm AC, K là điểm đối xứng của M qua I.

- Tứ giác AMCK là hình gì? Vì sao?
- Tứ giác AKMB là hình gì? Vì sao?
- Trên tia đối của tia MA lấy điểm L sao cho $ML = MA$. Chứng minh tứ giác ABLC là hình thoi

Bài 2: Cho ΔABC vuông ở C. Gọi M, N lần lượt là trung điểm của các cạnh BC và AB. Gọi P là điểm đối xứng của M qua N.

- Chứng minh tứ giác MBPA là hình bình hành
- Chứng minh tứ giác PACM là hình chữ nhật
- Đường thẳng CN cắt PB ở Q. Chứng minh $BQ = 2PQ$
- Tam giác ABC cần có thêm điều kiện gì thì hình chữ nhật PACM là hình vuông?

Bài 3: Cho hình bình hành ABCD có $\hat{A} = 60^\circ$, $AD = 2AB$. Gọi M là trung điểm của AD, N là trung điểm của BC.

- Chứng minh tứ giác MNCD là hình thoi
- Từ C kẻ đường thẳng vuông góc với MN tại E, cắt AB tại F. Chứng minh E là trung điểm của CF
- Chứng minh ΔMCF đều
- Chứng minh ba điểm F, N, D thẳng hàng.

Bài 4: Cho ΔABC có M, N lần lượt là trung điểm của AB, AC

- Chứng minh $BC = 2MN$
- Gọi K là điểm đối xứng của M qua N. Tứ giác BCKM là hình gì? Vì sao?
- Tứ giác AKCM là hình gì? Vì sao?
- Để tứ giác AKCM là hình chữ nhật thì ΔABC cần có thêm điều kiện gì?

Bài 5: Cho ΔABC cân tại A, trung tuyến AM. Gọi I là trung điểm của AC, K là điểm đối xứng của M qua I.

- Tứ giác AMCK là hình gì? Vì sao?
- Tứ giác AKMB là hình gì? Vì sao?
- Trên tia đối của tia MA lấy điểm E sao cho $ME = MA$. Chứng minh tứ giác ABEC là hình thoi

Bài 6 Cho ΔABC vuông tại A ($AB < AC$), trung tuyến AM, đường cao AH. Trên tia đối của tia MA lấy điểm D sao cho $MD = MA$

- Tứ giác ABDC là hình gì? Vì sao?
- Gọi I là điểm đối xứng của A qua BC. Chứng minh $BC \parallel ID$
- Chứng minh tứ giác BIDC là hình thang cân
- Vẽ $HE \perp AB$ tại E, $HF \perp AC$ tại F. Chứng minh $AM \perp EF$



BCH duyệt

Nguyễn Thị Thu Hằng

TTCM/NTCM

Phạm Thị Hải Yến

TRƯỜNG THCS NGỌC LÂM
TỔ: KHOA HỌC XÃ HỘI

NỘI DUNG ÔN TẬP CUỐI KỲ I
NĂM HỌC 2021-2022
MÔN: NGỮ VĂN
KHỐI: 8

I. Phần 1: Nội dung kiến thức cần ôn tập

1. Các đơn vị kiến thức đã học:

a. Văn bản:

- *Lão Hạc*, *Tức nước vỡ bờ*, *Tôi đi học*, *Trong lòng mẹ*
- *Cô bé bán diêm*, *Chiếc lá cuối cùng*
- Thông tin về ngày trái đất năm 2000; Ôn dịch, thuốc lá; Bài toán dân số

b. Tiếng Việt:

- Trường từ vựng; Từ tượng thanh, từ tượng hình; Trợ từ, thán từ; Tình thái từ; Từ ngữ địa phương và biệt ngữ xã hội
- Nói quá, Nói giảm nói tránh
- Câu ghép
- Dấu ngoặc đơn, dấu hai chấm, dấu ngoặc kép

c. Tập làm văn: viết đoạn văn NLVH, NLXH

2. Một số câu hỏi trọng tâm:

Dạng 1. Câu hỏi đọc - hiểu:

- Tên văn bản- thể loại
- Nêu phương thức biểu đạt, nhân vật chính, luận điểm chính
- Xác định kiến thức tiếng Việt và tác dụng của việc sử dụng yếu tố đó

Dạng 2. Giải thích ý nghĩa nhan đề

Dạng 3. Viết đoạn văn cảm thụ văn bản có yêu cầu tiếng Việt

- Hình ảnh cô bé bán diêm cuối truyện “*Cô bé bán diêm*”
- Nhân vật cụ già Bơ- men trong “*Chiếc lá cuối cùng*”
- Tác hại của hút thuốc lá
- Biện pháp hạn chế sử dụng bao bì nilong

Dạng 4. Đoạn văn liên hệ:

- Suy nghĩ về tinh thần lạc quan trong cuộc sống.
- Suy nghĩ về quan điểm “Thuốc lá có thể có hại, nhưng cũng có thể có một lợi ích nào đó.”
- Suy nghĩ về vai trò của môi trường với con người.
- Ý chí, nghị lực của con người.

Phần 2: Một số dạng bài tập minh họa

Dạng 1: Đọc hiểu

Bài tập 1: Đọc đoạn văn sau:

“Sáng hôm sau, tuyết vẫn phủ kín mặt đất, nhưng mặt trời lên, trong sáng, chói chang trên bầu trời xanh nhạt. Mọi người vui vẻ ra khỏi nhà.

Trong buổi sáng lạnh lẽo ấy, ở một xô tường, người ta thấy một em gái có đôi má hồng và đôi môi đang mỉm cười. Em đã chết vì giá rét trong đêm giao thừa.”

Câu 1: Đoạn văn trên trích trong văn bản nào? Của ai? Văn bản đó thuộc thể loại nào?

Câu 2: Trong văn bản vừa tìm, hình tượng ngọn lửa diêm có ý nghĩa như thế nào?

Câu 3: Phân tích cấu tạo câu văn “Sáng hôm sau, tuyết vẫn phủ kín mặt đất, nhưng mặt trời lên, trong sáng, chói chang trên bầu trời xanh nhạt” và cho biết mối quan hệ giữa các vế câu.

Bài tập 2: Đọc ngữ liệu sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:

... “Chị có chuyện này muốn nói với em, con chuột bạch của chị”, cô nói, “Cụ Bơ-men đã chết vì sung phổi hôm nay ở bệnh viện rồi. Cụ ốm chỉ có hai ngày. Buổi sáng ngày thứ nhất, bác gác cổng thấy cụ ốm nặng trong căn phòng của cụ ở tầng dưới. Giày và áo quần của cụ ướt sũng và lạnh buốt. Chẳng ai hình dung nổi cụ đã ở đâu trong một đêm khủng khiếp như thế. Nhưng rồi người ta tìm thấy một chiếc đèn bão vẫn còn thắp sáng và một chiếc thang đã bị lôi ra khỏi chỗ để của nó, và vài chiếc bút lông rơi vung vãi, và một băng pha màu có màu xanh và màu vàng trộn lẫn với nhau, và - em thân yêu ơi, em hãy nhìn ra ngoài cửa sổ, nhìn chiếc lá thường xuân cuối cùng ở trên tường. Em có thấy làm lạ tại sao chẳng bao giờ nó rung rinh hoặc lay động khi gió thổi không? Ồ, em thân yêu, đó chính là kiệt tác của cụ Bơ-men, - cụ vẽ nó ở đây vào cái đêm chiếc lá cuối cùng đã rụng.”

Câu 1: Đoạn văn trên trích trong văn bản nào? Ai là tác giả? Xác định thể loại và PTBĐ của văn bản.

Câu 2: Hãy nêu nội dung của đoạn trích trên.

Câu 3: Cho biết ý nghĩa của dấu ngoặc kép được sử dụng trong đoạn trích trên

Câu 4: Vì sao có thể nói chiếc lá mà cụ Bơ-men vẽ là một kiệt tác? Từ đó, em hiểu thế nào về quan niệm nghệ thuật của tác giả?

Câu 5: Em rút ra được **những bài học cuộc sống** nào từ văn bản em vừa tìm được.

Bài tập 3: Đọc ngữ liệu sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:

“Có người bảo: Tôi hút, tôi bị bệnh, mặc tôi!

Xin đáp lại: Hút thuốc là quyền của anh, nhưng anh không có quyền đầu độc những người ở gần anh. Anh uống rượu say mê, anh làm anh chịu. Nhưng hút thuốc thì người gần anh cũng hít phải luồng khói độc. Điều này hàng nghìn công trình nghiên cứu đã chứng minh rất rõ”.

(Trích Ngữ văn 8, tập 1)

Câu 1: Đoạn văn trên trích trong văn bản nào? Văn bản được viết theo thể loại nào?

Câu 2: Công dụng của dấu hai chấm trong câu: **Xin đáp lại: Hút thuốc là quyền của anh, nhưng anh không có quyền đầu độc những người ở gần anh.**

Câu 3: Viết lại một câu ghép có trong đoạn văn trên và phân tích cấu tạo của câu đó.

Câu 4: Nêu ý nghĩa của văn bản em vừa xác định

Bài tập 4: Đọc ngữ liệu sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:

“ Theo các nhà khoa học, bao bì ni lông lẫn vào đất làm cản trở quá trình sinh trưởng của các loài thực vật bị nó bao quanh, cản trở sự phát triển của cỏ dẫn đến hiện tượng xói mòn ở các vùng đồi núi. Bao bì ni lông bị vứt xuống cống làm tắc các đường dẫn nước thải, làm tăng khả năng ngập lụt của các đô thị về mùa mưa. Sự tắc nghẽn hệ thống cống rãnh làm cho muỗi phát sinh, lây truyền dịch bệnh. Bao bì ni lông trôi ra biển làm chết các sinh vật khi chúng nuốt phải. Đặc biệt bao bì ni lông màu đựng thực phẩm làm ô nhiễm thực phẩm do chứa các kim loại như chì, ca-di-mi gây tác hại cho não và là nguyên nhân gây ung thư phổi. Nguy hiểm nhất là khi các bao bì ni lông thải bỏ bị đốt, các khí độc thải ra đặc biệt là chất đi-ô-xin có thể gây ngộ độc, gây ngất, khó thở, nôn ra máu, ảnh hưởng đến các tuyến nội tiết, giảm khả năng miễn dịch, gây rối loạn chức năng, gây ung thư và các dị tật bẩm sinh cho trẻ sơ sinh.”

(Thông tin về Ngày Trái Đất năm 2000, Ngữ văn 8, tập 1)

Câu 1. Hãy cho biết Ngày Trái Đất là ngày nào? Được khởi xướng năm nào?

Câu 2. Xác định kiểu văn bản và phương thức biểu đạt chính của văn bản trên.

Câu 3. Tìm các từ sắp xếp thành một trường từ vựng và đặt tên cho trường từ vựng đó

Câu 4. Nêu nội dung của đoạn văn trên.

Câu 5. Theo em, có những nguyên nhân nào làm cho việc sử dụng bao bì ni lông gây hại đối với môi trường? Trong số những nguyên nhân đó, đâu là nguyên nhân cơ bản?

Câu 6. Em rút ra được điều gì qua văn bản Thông tin về ngày trái đất năm 2000?

Dạng 2. Giải thích nhan đề “ Ôn dịch, thuốc lá”

Dạng 3. Viết đoạn văn cảm thụ văn bản có yêu cầu tiếng Việt

a. Viết đoạn văn T-P-H khoảng 10 câu trình bày cảm nhận của em về hình ảnh cô bé bán diêm cuối truyện “Cô bé bán diêm”. Gạch chân, chỉ rõ một câu ghép sử dụng hợp lý trong đoạn.

b. Viết đoạn văn diễn dịch khoảng 12 câu trình bày suy nghĩ của em về nhân vật cụ Bơ-men trong “Chiếc lá cuối cùng”. Gạch chân và chỉ rõ một câu văn có sử dụng phép nói giảm nói tránh.

c. Viết đoạn văn T-P- H khoảng 10 câu trình bày suy nghĩ của em về tác hại của hút thuốc lá. Gạch chân, chỉ rõ một câu ghép có quan hệ đồng thời trong đoạn.


Dạng 4. Đoạn văn liên hệ:

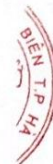
JAN LC
RƯỜNG
G HỌC C
OC LÁ
*

- a. Từ văn bản “Chiếc lá cuối cùng”, em hãy trình bày suy nghĩ về tinh thần lạc quan trong cuộc sống.
- b. Từ văn bản “Ôn dịch, thuốc lá”, em hãy trình bày suy nghĩ về quan điểm “Thuốc lá có thể có hại, nhưng cũng có thể có một lợi ích nào đó.”
- c. Từ văn bản “Thông tin ngày trái đất năm 2000” em hãy trình bày suy nghĩ về vai trò của môi trường đối với con người.

BGH duyệt

Nguyễn Ngọc Lan

TTCM

Lưu Hoàng Trang



NỘI DUNG ÔN TẬP CUỐI KÌ – HỌC KÌ I
NĂM HỌC 2021 – 2022
MÔN: ANH
KHỐI 8

PART 1: KNOWLEDGE

1. Vocabulary: Unit 1,2,3,4,5,

2. Grammar

- Tenses (active and passive)
- Verbs of liking + gerunds/ to- infinitive
- Comparative forms of adjectives and adverbs
- Articles
- Model verbs: should/ shouldn't; must; have to
- Simple, compound and complex sentences

3. Pronunciation

- Clusters: /br/, /pr/, /bl/, /cl/, /sk/, /sp/, /st/, /spr/, /str/
- Stress of words ending in -ion and -ian

PART 2: EXERCISES

A/ Multiple choice

I. Circle the word which has a different sound in the part underlined.

- | | | | |
|-----------------|--------------|-------------|-------------|
| 1. A. wanted | B. washed | C. danced | D. watched |
| 2. A. pagoda | B. hamburger | C. relax | D. gather |
| 3. A. community | B. computer | C. museum | D. customs |
| 4. A. display | B. sticky | C. minority | D. predict |
| 5. A. generate | B. celebrate | C. decorate | D. describe |

II. Circle the word which has a different stress pattern from the others.

- | | | | |
|------------------|--------------|-----------------|----------------|
| 6. A. ancestor | B. curious | C. heritage | D. tradition |
| 7. A. buffalo | B. recognize | C. convenient | D. cultural |
| 8. A. foundation | B. location | C. organization | D. performance |
| 9. A. popularity | B. animal | C. vegetable | D. beehive |
| 10. A. medical | B. remote | C. mountain | D. generous |

III. Circle the letter A, B, C, D to complete following sentences.

11. There's a..... in our family that we have a party on New Year's Eve.
A. belief B. legend C. custom D. habit
12. You should buy the blue sweater. It suits youthan the red one.
A. good B. well C. better D. the best
13. The of Quan ho singing has been recognized as a world heritage.
A. preservation B. procession C. song D. performance
14. Saint Giong was unable to talk, smile, or walk he was three years old.
A. even though B. because C. while D. if
15. The 54 ethnic peoples of Vietnam are....., but they live peacefully.
A. similar B. unlike C. diverse D. like
16. Both my brother and I help our family's goats. We feed them on the pastures by the edge of the village.
A. herds B. to herd C. herding D. to herding
17. Lang Lieu couldn't buy any special food.....he was very poor.
A. although B. when C. while D. because
18. ethnic group has a larger population, the Tay or the Ede?
A. What B. Why C. Which D. Who
19. Children need a caring environment to develop..... mentally..... physically.
A. and - and B. both - and C. the - the D. in - and

20. you study harder, you won't be able to pass the examination.
 A. Unless B. Because C. If D. without
21. The buses were very this morning. We can't go to the church with you in time.
 A. crowd B. crowded C. full D. busy
22. He cross the street when the traffic light is green for pedestrians.
 A. should B. shouldn't C. ought D. oughtn't
23. You..... use your mobile phone on the plane.
 A. must B. mustn't C. don't have to D. have to
24. Many ethnic groups have their own languages, and some even have languages.
 A. speaking B. writing C. written D. spoken
25. Our family's customs and traditions make us feel a sense of.....
 A. humor B. loving C. belonging D. unique
26. In the past, men wear Ao Dai, but today they..... wear it.
 A. had to/ didn't have to B. had to/ doesn't have to C. had to/ don't have to D. had to/ had to
27. Mai An Tiem was veryto move to a deserted island.
 A. brave B. bravery C. braving D. braved
28. 'I was wondering if you'd like to go to Da Lat Flower Festival'
 '..... When does it take place?'
 A. Not bad! B. Are you sure? C. For what? D. Sure, I'd love to!

IV. There is a mistake in the four underlined parts of each sentence.

29. Vietnam is an multicultural country with 54 ethnic groups.
 A B C D
30. We speak English fluent now than last year.
 A B C D
31. We broke with tradition by make sponge cakes for the Mid-Autumn Festival instead of moon cakes.
 A B C D
32. I don't like this performance although it's too boring
 A B C D
33. Our grandparents used to be telling us fairy tales when we were small.
 A B C D
34. In Australia, you mustn't to comment on a person's accent.
 A B C D
35. In my family, children has to get permission before leaving the dining table.
 A B C D

V. Mark the letter A, B, C or D to indicate the word that is OPPOSITE in meaning to the underlined word in the sentence

36. The Ministry of Health is carrying out a health project for the poor in mountainous regions and rural areas.
 A. urban B. coastal C. mountainous D. countryside
37. One in seven accidents is caused by sleepy drivers.
 A. awake B. unwell C. exhausted D. talkative

VI. Mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the word(s) CLOSEST in meaning to the underlined word(s) in each of the following questions.

38. His school is located in the mountainous area.
 A. lain B. stood C. situated D. stayed
39. There are some drawbacks in the city life nowadays.
 A. improvements B. advantages C. changes D. disadvantages

VII. Read the passage and choose the best option A, B, C, D to complete it.

Hoi An

The ancient town of Hoi An lies on Thu Bon River, more than 30 kilometers to the south of Da Nang. Occupied by early western traders, Hoi An was one of the major (40)___ commercial ports of South Asia in the 16th century. Hoi An is famous (41)___ old temples, pagodas, tiled-roof houses and (42)___ streets. Tourists can visit the relics of Sa Huynh and Cham Civilizations. They can also enjoy the beautiful scenery of the Thu Bon River, Cua Dai Beach, etc. In recent years, Hoi An has become a very popular tourist destination in Viet Nam.

Importantly, the committee of the World Heritages of UNESCO (43) _____ certified Hoi An a World Heritage Site in 1999.

- | | | | |
|--------------------|----------------|---------------|-------------|
| 40. A. recent-time | B. modern-time | C. new-time | D. old-time |
| 41. A. for | B. in | C. with | D. of |
| 42. A. wider | B. larger | C. narrow | D. bigger |
| 43. A. official | B. officer | C. officially | D. office |

VIII. Read the following passage and circle the letter A, B, C or D that best answers each of the questions

Gong culture in the Central Highlands of Viet Nam has been recognised by UNESCO as a Masterpiece of the Intangible Heritage of Humanity.

Gong culture covers five provinces of the Central Highlands: Kon Tum, Gia Lai, Dak Lak, Dak Nong, and Lam Dong. The masters of gong culture are the ethnic groups of Bahnar, Sedang, Mnong, Coho, Ede, Giarai ... The Gong Festival is held annually in the Central Highlands. In the festival, artists from these provinces give gong performances, highlighting the gong culture of their own province.

For the ethnic groups of the Central Highlands, gongs are musical instruments of special power. It is believed that every gong is the symbol of a god who grows more powerful as the gong gets older. Therefore, gongs are associated with special occasions in people's lives, such as the building of new houses, funerals, crop praying ceremonies, a new harvest, victory celebrations, etc. The gong sound is a way to communicate with the gods.

44. The text tells us about _____.
- | | |
|---------------------------------|---|
| A. a world cultural heritage | B. the artists of the Central Highland |
| C. life in the Central Highland | D. musical instruments of ethnic groups |
45. How often is the Gong Festival celebrated?
- | | |
|-----------------------|-------------------------|
| A. every month | B. every year |
| C. all the year round | D. on special occasions |
46. The gongs are _____.
- | | | | |
|-----------------------|------------------------|-------------------------|-----------------------|
| A. a kind of art work | B. musical instruments | C. pieces of folk music | D. cultural heritages |
|-----------------------|------------------------|-------------------------|-----------------------|
47. The ethnic peoples in the Central Highlands believe that _____.
- | | |
|--|---|
| A. special powers like their gongs | B. gongs are associated with new houses |
| C. their gongs are the symbols of gods | D. the gong is older than themselves |
48. For people in the Central Highlands, the gong sound is _____.
- | | |
|----------------------------------|-----------------------------|
| A. a way to entertain themselves | B. a sound of victory |
| C. a form of festival | D. a means of communication |

PART 2. WRITING:

I. Complete each sentence so that it has the same meaning as the first one

1. Playing beach games is very interesting.
→ It is
2. He uses all his free time to look after his garden
→ He spends
3. People have used the Internet all over the world.
→ The Internet
4. I love listening to music.
→ I fancy
5. Tuan often went fishing when he lived in the country.
→ Tuan used
6. Is our final test compulsory?
→ Do we.....

II. Use the suggested words and phrases to make meaningful sentences.

7. I/ start/ play/ board games/ long time ago.
.....
8. The Khmer/ believe/ they/ have to/ float/ lanterns/ otherwise/ may not/ get/ good luck
.....
9. Hung Kings Temple Festival/ significant/ festival/ Vietnam.
.....

10. Tipping/ not/ custom/ Vietnam/ so/ you/ not/ have/ tip/ if/ don't want.

11. Mr. Simon/ never/ be/ Italy/ before.

12. Lim Festival/ take place/ every year/ 13th day/ first lunar month.



TTCM

A handwritten signature in blue ink, consisting of stylized initials.

Nguyễn Thị Quỳnh Diệp



TRƯỜNG THCS NGỌC LÂM

TỔ: KHOA HỌC TỰ NHIÊN

NỘI DUNG ÔN TẬP CUỐI KỲ - HỌC KỲ I

NĂM HỌC 2021-2022- MÔN: HÓA HỌC

KHỐI: 8

I. Phần 1: Nội dung kiến thức cần ôn tập

1. Các đơn vị kiến thức đã học từ tuần 01 đến hết tuần 13.
2. Một số câu hỏi trọng tâm:

Câu 1: Hóa trị của một nguyên tố (hay nhóm nguyên tử) là gì? Nêu quy tắc hóa trị với hợp chất 2 nguyên tố?

Câu 2: a. Hiện tượng vật lí là gì? Cho VD.

b. Hiện tượng hóa học là gì? Cho VD.

Câu 3: Phản ứng hóa học là gì? Nêu điều kiện xảy ra phản ứng hóa học và dấu hiệu nhận biết phản ứng hóa học xảy ra?

Câu 4: Phát biểu nội dung định luật bảo toàn khối lượng.

Câu 5: Nêu các bước lập phương trình hóa học.

Câu 6: a. Nêu khái niệm: Mol, khối lượng mol, thể tích mol của chất khí.

b. Viết công thức chuyển đổi giữa các đại lượng khối lượng, thể tích và số mol

II. Phần 2: Một số dạng bài tập minh họa

1. BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM:

Câu 1 (Nhận biết): Hóa trị của một nguyên tố (hay nhóm nguyên tử) là

- A. khả năng liên kết của phân tử này với phân tử kia.
- B. con số biểu thị khả năng liên kết của nguyên tử (hay nhóm nguyên tử)
- C. con số biểu thị khả năng liên kết giữa các phân tử
- D. khả năng phản ứng của nguyên tử (nhóm nguyên tử)

Câu 2 (Nhận biết): Hiện tượng nào sau đây là hiện tượng vật lí?

- A. Sắt bị gỉ.
- B. Sương mù vào sáng sớm.
- C. Cháy rừng
- D. Thức ăn bị ôi thiu.

Câu 3 (Nhận biết): Hiện tượng nào sau đây là hiện tượng hóa học?

- A. Thủy tinh nóng chảy được thổi thành bình cầu.
- B. Cồn để trong lọ không kín bị bay hơi.
- C. Hơi nến cháy trong không khí tạo ra khí cacbonic và hơi nước.
- D. Các quả bóng bay lên trời rồi nổ tung.

Câu 4 (Nhận biết): Điều kiện để xảy ra phản ứng hóa học là

- A. chất tham gia phản ứng chỉ là chất rắn, dạng bột.
- B. chất tham gia phản ứng được tiếp xúc với nhau.
- C. chất tham gia phản ứng không tiếp xúc với nhau.
- D. chất tham gia phản ứng phải là chất rắn và chất lỏng.

Câu 5 (Nhận biết): Mol là lượng chất có chứa

- A. 3.10^{23} nguyên tử hoặc phân tử của chất đó.

B. $3 \cdot 10^{26}$ nguyên tử hoặc phân tử của chất đó.

C. $6 \cdot 10^{23}$ nguyên tử hoặc phân tử của chất đó.

D. $6 \cdot 10^{26}$ nguyên tử hoặc phân tử của chất đó.

Câu 6 (Nhận biết): Ở điều kiện tiêu chuẩn (0°C và 1atm), thể tích mol của các chất khí đều bằng

A. 22,4 lít

B. 24 lít

C. 22 lít

D. 24,2 lít

Câu 7 (Nhận biết): Công thức chuyển đổi giữa lượng chất và khối lượng chất là

A. $n = m \cdot M$

B. $n = \frac{M}{m}$

C. $n = \frac{m}{M}$

D. $m = \frac{n}{M}$

Câu 8 (Nhận biết): Công thức chuyển đổi giữa lượng chất và thể tích chất khí (ở điều kiện tiêu chuẩn) là

A. $n = V \cdot 24$

B. $n = \frac{V}{24}$

C. $n = \frac{V}{22,4}$

D. $n = V \cdot 22,4$

Câu 9 (Thông hiểu): Vỏ quả trứng vào dung dịch giấm ăn thấy sủi bọt ở vỏ trứng.

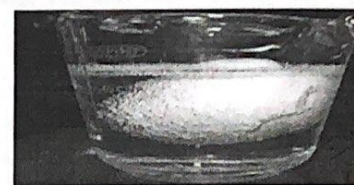
Dấu hiệu nhận biết phản ứng hóa học xảy ra là:

A. quả trứng tan hết trong giấm ăn

B. dung dịch có màu trắng

C. dung dịch trong suốt không màu

D. bề mặt vỏ trứng có bọt khí



Câu 10 (Thông hiểu): Đốt cháy than trong không khí thu được khí cacbon đioxit. Phương trình chữ của phản ứng là

A. Than + Oxi \longrightarrow Cacbon oxit

B. Than + Cacbon đioxit \longrightarrow Oxi

C. Oxi + Cacbon oxit \longrightarrow Cacbon

D. Oxi + Than \longrightarrow Cacbon đioxit

Câu 11 (Thông hiểu): Phương trình hóa học nào sau đây là đúng?

A. $\text{O} + 2\text{H} \longrightarrow \text{H}_2\text{O}$

B. $\text{O}_2 + 2\text{H} \longrightarrow \text{H}_2\text{O}$

C. $\text{O}_2 + 2\text{H}_2 \longrightarrow \text{H}_2\text{O}$

D. $\text{O}_2 + 2\text{H}_2 \longrightarrow 2\text{H}_2\text{O}$

Câu 12 (Thông hiểu): Khối lượng của 1 mol phân tử Cl_2 là

A. 35,5 g/mol

B. 36 g/mol

C. 71 g/mol

D. 72 g/mol

Câu 13 (Thông hiểu): Thể tích (ở điều kiện tiêu chuẩn) của N phân tử khí oxi O_2 là

A. 32 lít

B. 16 lít

C. 22,4 lít

D. 24 lít

Câu 14 (Vận dụng): Cho sơ đồ phản ứng: $a\text{Al} + b\text{HCl} \longrightarrow c\text{AlCl}_3 + d\text{H}_2$

Hệ số cân bằng a, b, c, d trong phản ứng hóa học trên là

A. 1,3,2,3

B. 2,3,2,3

C. 2,6,2,3

D. 1,6,2,3

Câu 15 (Vận dụng): Cho biết CTHH hợp chất của nguyên tố X với O là XO , CTHH hợp chất của nguyên tố Y với H là YH_3 . Hãy chọn CTHH nào là đúng cho hợp chất của X với Y trong số các CTHH cho sau đây:

A. X_3Y

B. X_3Y_2

C. XY_3

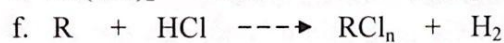
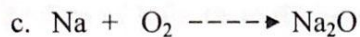
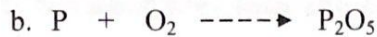
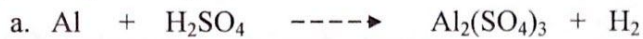
D. X_2Y_3

Câu 16 (Vận dụng): Cho 30 gam vôi sống CaO vào **m** gam nước thu được 50 gam vôi tôi Ca(OH)₂. Giá trị của **m** là:

- A. 20 g B. 21 g C. 22 g D. 23 g

2. BÀI TẬP TỰ LUẬN:

Câu 1: Lập các phương trình hóa học sau và cho biết tỉ lệ số nguyên tử, phân tử của các chất trong sơ đồ phản ứng sau:



Câu 2: Đốt cháy hết **m** gam kim loại magie trong không khí thu được 8 gam magie oxit (MgO).

- Lập phương trình hóa học của phản ứng.
- Tính **m**, biết rằng khối lượng magie tham gia phản ứng bằng 1,5 lần khối lượng oxi (không khí) tham gia phản ứng?

Câu 3. Hãy giải thích vì sao:

- khi nung nóng một thanh đồng ngoài không khí thì sau một thời gian khối lượng thanh đồng tăng lên?
- khi nung nóng một cục đá vôi (CaCO₃) ở nhiệt độ cao thì sau một thời gian khối lượng giảm đi?



BGH duyệt

Nguyễn Thị Thu Hằng

TTCM

Đỗ Minh Phương

TRƯỜNG THCS NGỌC LÂM
TỔ: KHOA HỌC TỰ NHIÊN

NỘI DUNG ÔN TẬP CUỐI KỲ - HỌC KỲ I
NĂM HỌC 2021-2022
MÔN: VẬT LÝ
KHỐI: 8

I. Phần 1: Nội dung kiến thức cần ôn tập

1. Các đơn vị kiến thức đã học từ tuần 01 đến hết tuần 13

2. Một số câu hỏi trọng tâm:

Câu 1: Thế nào là chuyển động cơ học? Các dạng chuyển động cơ học thường gặp?

Câu 2: Độ lớn của vận tốc cho biết điều gì? Công thức tính vận tốc? Đơn vị tính vận tốc? Công thức tính vận tốc trung bình?

Câu 3: Thế nào là chuyển động đều? Thế nào là chuyển động không đều?

Câu 4: Để biểu diễn 1 lực cần xác định các yếu tố nào?

Câu 5: Thế nào là hai lực cân bằng?

Câu 6: Thế nào là chuyển động theo quán tính?

Câu 7: Lực ma sát là gì?

Câu 8: Áp lực là gì? Áp suất là gì? Công thức, đơn vị tính áp suất?

Câu 9: Trình bày về áp suất chất lỏng? Công thức tính? Nêu tính chất của bình thông nhau và công thức tính trong máy nén thủy lực?

Câu 10: Nêu ví dụ chứng tỏ được sự tồn tại của áp suất khí quyển?

II. Phần 2: Một số dạng bài tập minh họa

1. Bài tập trắc nghiệm:

Câu 1. Khi nói về áp suất chất lỏng, câu kết luận nào dưới đây không đúng?

A. Trong chất lỏng, càng xuống sâu, áp suất không thay đổi.

B. Trong cùng một chất lỏng đứng yên, áp suất tại những điểm trên cùng một mặt phẳng nằm ngang đều bằng nhau.

C. Trong chất lỏng, càng lên cao, áp suất càng giảm.

D. Trong chất lỏng, càng xuống sâu, áp suất càng tăng.

Câu 2. Trong các chuyển động sau, quỹ đạo của chuyển động nào là đường thẳng.

A. Một chiếc lá rơi từ trên cây xuống.

B. Một viên đá được ném theo phương nằm ngang.

C. Một viên phấn rơi từ trên cao xuống.

D. Bánh xe khi xe đang chuyển động.

Câu 3. Ma sát có lợi trong trường hợp nào sau đây:

A. Ma sát giữa bàn tay với vật giữ trên tay

B. Ma sát giữa xích và đĩa bánh sau

C. Ma sát giữa các chi tiết máy trượt lên nhau

D. Ma sát giữa các viên bi với thành trong của ổ bi

Câu 4. Hiện tượng nào sau đây do áp suất khí quyển gây ra?

A. Quả bóng bàn bị bẹp nhúng vào nước nóng lại phồng lên.

B. Săm xe đạp bơm căng để ngoài nắng bị nổ.

C. Đổ nước vào quả bóng bay chưa thổi căng, quả bóng phồng lên.

D. Có thể hút nước từ cốc vào miệng nhờ một ống nhựa nhỏ.

Câu 5. Khi chỉ chịu tác dụng của hai lực cân bằng:

A. Vật đang đứng yên sẽ chuyển động nhanh dần.

B. Vật đang chuyển động sẽ dừng lại.

C. Vật đang đứng yên sẽ đứng yên hoặc vật đang chuyển động sẽ chuyển động thẳng đều mãi.

D. Vật đang chuyển động đều sẽ không còn chuyển động đều nữa.

Câu 6. Xe ô tô đang chuyển động đột ngột rẽ phải. Hành khách trong xe bị

A. Nghiêng người sang phía phải

B. Nghiêng người sang phía trái

C. Xô người về phía trước

D. Ngả người về phía sau

Câu 7. Vì sao nói lực là một đại lượng véc tơ?

A. Vì lực là đại lượng vừa có độ lớn vừa có phương và chiều

B. Vì lực là đại lượng chỉ có độ lớn.

C. Vì lực là đại lượng vừa có phương vừa có chiều.

D. Vì lực là đại lượng vừa có độ lớn vừa có phương

Câu 8. Càng lên cao thì áp suất khí quyển:

A. Càng giảm

B. Không thay đổi

C. Có thể tăng cũng có thể giảm

D. Càng tăng

Câu 9. Trong các cách tăng, giảm áp suất sau đây, cách nào là không đúng?

A. Muốn giảm áp suất thì phải giữ nguyên áp lực, tăng diện tích bị ép.

B. Muốn tăng áp suất thì giảm áp lực, tăng diện tích bị ép.

C. Muốn tăng áp suất thì tăng áp lực, giảm diện tích bị ép.

D. Muốn giảm áp suất thì phải giảm áp lực, giữ nguyên diện tích bị ép.

Câu 10. Khi chỉ có 1 lực tác dụng lên vật thì vận tốc của vật sẽ như thế nào? Hãy chọn câu trả lời đúng nhất

A. Vận tốc giảm dần.

B. Vận tốc không thay đổi.

C. Có thể tăng dần cũng có thể giảm dần.

D. Vận tốc tăng dần

2. Bài tập tự luận:

Câu 1: Em hãy nêu 1 ví dụ về chuyển động thẳng, 1 ví dụ về chuyển động cong, 1 ví dụ về chuyển động tròn thường gặp trong đời sống?

Câu 2: Tại sao khi xe đang chuyển động, ta đã ngừng đạp mà xe vẫn chuyển động thêm một đoạn nữa rồi mới ngừng hẳn?

Câu 3: Thời gian để xe đạp đi hết quãng đường 1,2km với vận tốc 3m/s là bao nhiêu?

Câu 4: Áp lực là gì? Công thức tính áp lực?

Câu 5: Bạn Hà nặng 45kg đứng thẳng hai chân trên mặt sàn lớp học, biết diện tích tiếp xúc với mặt sàn của một bàn chân là $0,005\text{m}^2$. Tính áp suất mà Hà tác dụng lên mặt sàn?

Câu 6: Một người đi xe đạp trên đoạn đường AB. Nửa đầu đoạn đường, người đó đi với vận tốc $v_1=15\text{km/h}$. Quãng đường còn lại người đó đi với vận tốc $v_2=10\text{km/h}$. Vận tốc trung bình trên cả quãng đường AB là bao nhiêu?/

Câu 7: Nêu 3 ví dụ trong thực tế chứng tỏ sự tồn tại của áp suất khí quyển?

Câu 8: Tại sao lặn sâu xuống đáy biển người thợ lặn phải mặc áo lặn chịu được áp suất lớn?

Câu 9: Một bình thông nhau chứa nước. Người ta đổ thêm dầu vào một nhánh của bình. Độ cao cột dầu bằng 10cm. Tính độ chênh lệch giữa hai mặt thoáng của chất lỏng? Biết trọng lượng riêng của nước là 1000N/m^3 ; của dầu là 8000N/m^3

OU
TR
UNG
IGQ

Câu 10: Một bể chứa đầy nước cao 2m, biết trọng lượng riêng của nước là 10000N/m^3 . Tính áp suất của nước gây ra tại các điểm:

- a) Tại đáy bể
- b) Tại điểm cách đáy 40cm?



BGH duyệt

Nguyễn Thị Thu Hằng

TTCM/NTCM

Đỗ Minh Phượng



TRƯỜNG THCS NGỌC LÂM
TỔ: KHOA HỌC TỰ NHIÊN

NỘI DUNG ÔN TẬP CUỐI KỲ - HỌC KỲ I
NĂM HỌC 2021-2022
MÔN: SINH HỌC
KHỐI: 8

I. Phần 1: Nội dung kiến thức cần ôn tập

1. Các đơn vị kiến thức đã học từ tuần 01 đến hết tuần 13
2. Một số câu hỏi trọng tâm:

Câu 1: Nêu thành phần và chức năng các thành phần của máu.

Câu 2: Bạch cầu đã tạo nên những hàng rào nào để bảo vệ cơ thể? Trình bày cơ chế hoạt động của ba hàng rào bảo vệ cơ thể của bạch cầu.

Câu 3: Đông máu là gì? Trình bày cơ chế đông máu. Nêu các nguyên tắc truyền máu.

Câu 4: Nêu cấu tạo của tim và mạch máu. Mô tả hoạt động của 1 chu kì co giãn của tim. Vẽ sơ đồ mô tả đường đi của máu trong vòng tuần hoàn nhỏ, vòng tuần hoàn lớn.

Câu 5: Huyết áp là gì? Nêu các biện pháp bảo vệ cơ thể trước các tác nhân có hại cho tim mạch

Câu 6: Hô hấp là gì? Quá trình hô hấp có mấy giai đoạn? Nêu các cơ quan của hệ hô hấp và chức năng của chúng. Trình bày tóm tắt quá trình hô hấp ở cơ thể người (sự thông khí ở phổi, trao đổi khí ở phổi và trao đổi khí ở tế bào)

II. Phần 2: Một số dạng bài tập minh họa

1. Phần trắc nghiệm:

Câu 1: Thành phần nào sau đây không phải tế bào máu?

- A. Huyết tương B. Hồng cầu C. Bạch cầu D. Tiểu cầu

Câu 2: Hồng cầu có chức năng

- A. duy trì máu ở trạng thái lỏng.
B. tham gia quá trình bảo vệ cơ thể.
C. tăng cường khả năng miễn dịch của cơ thể.
D. vận chuyển O₂ và CO₂.

Câu 3: Môi trường trong cơ thể gồm

- A. máu, nước mô, bạch huyết. B. máu, bạch huyết.
C. nước mô, bạch huyết D. Máu, nước mô.

Câu 4: Một chu kì co giãn của tim gồm mấy pha?

- A. 1 pha B. 2 pha C. 3 pha D. 4 pha

Câu 5: Tim ở người có cấu tạo mấy ngăn?

- A. 1 ngăn B. 2 ngăn C. 3 ngăn D. 4 ngăn

Câu 6: Loại tế bào máu nào tham gia vào quá trình đông máu?

- A. Hồng cầu và tiểu cầu B. Hồng cầu
C. Tiểu cầu D. Bạch cầu



Câu 7: Vai trò của phổi là

- A. dẫn khí ra và vào
- B. làm ấm, làm ẩm không khí đi vào
- C. bảo vệ ống dẫn khí
- D. trao đổi khí giữa cơ thể và môi trường ngoài

Câu 8: Trường hợp truyền máu nào sau đây gây kết dính hồng cầu?

- A. O cho A
- B. A cho AB
- C. B cho AB
- D. A cho B

Câu 9: Khi các vi sinh vật xâm nhập vào một mô nào đó trong cơ thể, hoạt động đầu tiên của các bạch cầu để bảo vệ cơ thể là

- A. thực bào
- B. tiết kháng thể
- C. phá hủy tế bào nhiễm bệnh
- D. tiết kháng nguyên

Câu 10: Người có nhóm máu nào thì truyền được máu cho người có nhóm máu O?

- A. A
- B. B
- C. O
- D. AB

2. Phần tự luận:

Câu 1: Máu vận chuyển trong cơ thể có màu đỏ tươi hoặc đỏ thẫm là do thành phần nào?

Câu 2: Tương tác giữa kháng nguyên và kháng thể theo cơ chế nào?

Câu 3: Lấy ví dụ về miễn dịch tự nhiên và miễn dịch nhân tạo.

Câu 4: Máu có cả kháng nguyên A và B có thể truyền được cho người có nhóm máu nào?

Câu 5: Vòng tuần hoàn nhỏ có vai trò gì?

Câu 6: Quá trình hô hấp gồm những giai đoạn nào?

Câu 7: Quá trình trao đổi khí ở phổi và tế bào diễn ra theo cơ chế nào?

Câu 8: Hoạt động nào giúp cho phổi được thông khí?

Câu 9: Lực chủ yếu giúp máu tuần hoàn liên tục theo một chiều được tạo ra từ đâu?

Câu 10: Đề ra các biện pháp bảo vệ hệ tim mạch tránh các tác nhân có hại.

Câu 11: Trình bày cơ chế đông máu.

Câu 12: Trong một gia đình, người bố nhóm máu A, người mẹ nhóm máu B sinh hai người con có nhóm máu A và AB. Trường hợp người bố làm phẫu thuật cần truyền máu, những người nào trong gia đình có thể cho máu? Giải thích vì sao?



BCH duyệt

Nguyễn Thị Thu Hằng

TTCM

Đỗ Minh Phượng

TRƯỜNG THCS NGỌC LÂM

TỔ: XÃ HỘI

**NỘI DUNG ÔN TẬP CUỐI KỲ
HỌC KỲ I – NĂM HỌC 2021-2022**

MÔN: ĐỊA LÍ

KHỐI: 8

I. Phần 1: Nội dung kiến thức cần ôn tập

1. Các đơn vị kiến thức đã học đến hết tuần 13
2. Một số câu hỏi trọng tâm:

Câu 1. Nêu đặc điểm vị trí địa lí của khu vực Tây Nam Á? Ý nghĩa của vị trí địa lí đối với sự phát triển kinh tế?

Câu 2. Nêu đặc điểm vị trí địa lí khu vực Nam Á? Ý nghĩa của vị trí địa lí đối với sự phát triển kinh tế?

Câu 3. Nêu đặc điểm địa hình của khu vực Nam Á?

Câu 4. Trình bày đặc điểm phát triển kinh tế của Ấn Độ?

II. Phần 2: Một số dạng bài tập minh họa

1. Dạng câu hỏi trắc nghiệm

Câu 1. Ở châu Á, cây lương thực nào là quan trọng nhất ?

- A. Khoai B. Ngô C. Lúa gạo D. Lúa mì

Câu 2. Tuần Lộc là vật nuôi chủ yếu ở khu vực nào của châu Á ?

- A. Nam Á B. Tây Nam Á C. Đông Nam Á D. Bắc Á

Câu 3. Tại sao ở khu vực phía bắc Nam Á, dân cư lại phân bố thưa thớt ?

- A. Khu vực phía bắc có địa hình núi cao, giao thông không thuận lợi
B. Khu vực phía bắc có thời tiết khắc nghiệt, khí hậu lạnh giá quanh năm.
C. Khu vực phía bắc thường xuyên xảy ra động đất.
D. Đây là khu vực hoang mạc, quanh năm khô hạn.

Câu 4. Ở châu Á, nước nào đông dân nhưng sản xuất đủ lương thực?

- A. Xin-ga-po B. Trung Quốc C. Việt Nam D. Thái Lan

Câu 5. Nước nào ở châu Á xuất khẩu nhiều gạo?

- A. Xin-ga-po B. Trung Quốc C. Thái Lan D. Ấn Độ

Câu 6. Sông Ô-phơ-rat thuộc khu vực Tây Nam Á chảy theo hướng nào?

- A. Tây- Đông C. Đông Bắc- Tây Nam
B. Bắc-Nam D. Tây Bắc-Đông Nam.

Câu 7. Hoang mạc Xi-ri phân bố ở khu vực nào của Tây Nam Á?

- A. Phía Bắc B. Phía Tây C. Phía Đông D. Phía Nam

Câu 8. Đồng bằng nào sau đây thuộc khu vực Tây Nam Á ?



A. Ấn-Hằng B. Hoa Bắc C. Lưỡng Hà D. Tây-xi-bia

Câu 9: Bán đảo A-rap thuộc khu vực nào của châu Á?

A. Bắc Á B. Trung Á C. Tây Nam Á D. Nam Á

Câu 10. Tài nguyên quan trọng nhất của khu vực Tây Nam Á là:

A. Than đá B. Vàng C. Kim cương D. Dầu mỏ

Câu 11. Ở Tây Nam Á, dầu mỏ tập trung chủ yếu ở:

A. Ven vịnh Pec-xich B. Phía Bắc C. Phía Nam D. Phía Tây

Câu 12. Quốc gia nào ở Tây Nam Á có nhiều dầu mỏ?

A. Li Băng B. Xi-ri C. Thổ Nhĩ Kỳ D. Cô-ôét

Câu 13: Sông Hằng ở khu vực Nam Á chảy theo hướng nào?

A. Nam- Bắc B. Bắc- Nam C. Tây Bắc-Đông Nam D. Đông Bắc-Tây Nam.

Câu 14. Đồng bằng Ấn Hằng thuộc khu vực nào của châu Á?

A. Nam Á B. Đông Á C. Đông Nam Á D. Bắc Á

Câu 15. Đại bộ phận Nam Á nằm trong đới khí hậu nào?

A. Nhiệt đới gió mùa. B. Ôn đới C. Cận nhiệt D. Hàn đới.

Câu 16: Quốc gia nào có diện tích lớn nhất khu vực Nam Á?

A. Ấn Độ B. Nê-pan C. Pa-ki-xtan D. Bu-tan

Câu 17. Dân cư Nam Á chủ yếu theo đạo :

A. Đạo Hồi B. Thiên chúa giáo C. Ki tô giáo D. Phật giáo.

Câu 18. Dân cư Nam Á sinh sống tập trung ở :

A. Đồng bằng ven biển, ven sông lớn B. Các sơn nguyên cao

C. Các khu vực trung tâm D. Khu vực phía bắc

Câu 19. Con sông nào sau đây thuộc khu vực Nam Á ?

A. Trường Giang B. Mê- công C. Ô-phơ-rat D. Bra-ma-put

Câu 20. Mặc dù có cùng vĩ độ với miền bắc Việt Nam, nhưng tại sao về mùa đông, khí hậu Nam Á lại ấm hơn so với miền bắc nước ta ?

A. Do Nam Á không nằm trong vùng hoạt động của gió mùa Đông Bắc..

B. Do địa hình Nam Á cao hơn so với Việt Nam.

C. Dãy Gát Đông và Gát tây chắn khối khí lạnh từ biển xâm nhập vào đất liền.

D. Dãy Hi-ma-lay-a ở phía bắc có tác dụng chắn khối khí lạnh từ trung Á tràn xuống.

2. Dạng câu hỏi tự luận: Phần nội dung kiến thức: Một số câu hỏi trọng tâm



Nguyễn Ngọc Lan

TTCM

Lưu Hoàng Trang



TRƯỜNG THCS NGỌC LÂM

TỔ: XÃ HỘI

**NỘI DUNG ÔN TẬP CUỐI KỲ
HỌC KỲ I – NĂM HỌC 2021-2022
MÔN: LỊCH SỬ - KHỐI: 8**

I. Phần 1: Nội dung kiến thức cần ôn tập

1. Các đơn vị kiến thức đã học đến hết tuần 13.

2. Một số câu hỏi trọng tâm:

Câu 1. Nêu tình hình Châu Á TK XVIII- đầu TK XX(Trung Quốc, Nhật Bản, Ấn Độ...)?

Câu 2. Trình bày một số phong trào cách mạng tiêu biểu ở Châu Á (cuộc Duy Tân Minh Trị, cách mạng Tân Hợi, cuộc khởi nghĩa Xi-pay..)?

Câu 3. Trình bày nguyên nhân, diễn biến, kết cục chiến tranh thế giới thứ nhất 1914-1918?

II. Phần 2: Một số dạng bài tập minh họa.

1. Bài tập trắc nghiệm

Câu 1: Đến cuối thế kỉ XIX, Đức xâm chiếm vùng nào ở Trung Quốc?

- A. Tỉnh Sơn Đông. B. Vùng Châu thổ sông Dương Tử.
C. Vùng Đông Bắc. D. Thành phố Bắc Kinh.

Câu 2: Mở đầu cuộc cách mạng Tân Hợi (1911) là cuộc khởi nghĩa ở đâu?

- A. Sơn Đông B. Nam Kinh
C. Vũ Xương D. Bắc Kinh

Câu 3: Tại sao có rất nhiều nước cùng xâm xé, xâm lược Trung Quốc?

- A. Vì triều đình phong kiến Mãn Thanh còn rất mạnh.
B. Vì Trung Quốc đất rộng, người đông.
C. Vì phong trào đấu tranh của nhân dân Trung Quốc chống phong kiến mạnh.
D. Vì triều đình phong kiến không chấp nhận con đường thỏa hiệp.

Câu 4: Điểm nào sau đây là cơ bản nhất chứng tỏ Cách mạng Tân Hợi (1911) là một cuộc cách mạng tư sản không triệt để:

- A. Không nêu vấn đề đánh đổ đế quốc và không tích cực chống phong kiến.
B. Chưa đụng chạm đến giai cấp địa chủ phong kiến.
C. Không giải quyết được vấn đề ruộng đất cho nông dân.
D. Không giải quyết được vấn đề mâu thuẫn của một xã hội nửa thuộc địa nửa phong kiến.

Câu 5: Thực dân Anh tiến hành "Chiến tranh thuốc phiện" mở đầu cho phương Tây xâm lược Trung Quốc vào năm nào?

- A. 1840 – 1842 B. 1840 - 1841
C. 1840- 1844 D. 1841- 1842

Câu 6: Vua Minh Trị đã thực hiện biện pháp gì để đào tạo nhân tài?

- A. Cử học sinh đi du học Phương Tây.
B. Giáo dục bắt buộc.
C. Coi trọng khoa học – kỹ thuật.
D. Đổi mới chương trình.



Câu 7: Vì sao Nhật Bản thoát ra khỏi sự xâm lược của tư bản phương Tây?

- A. Vì Nhật có chính sách ngoại giao tốt.
- B. Vì Nhật có nền kinh tế phát triển.
- C. Vì Nhật tiến hành cải cách tiến bộ.
- D. Vì chính quyền phong kiến Nhật mạnh.

Câu 8: Nhật Bản xác định biện pháp chủ yếu để vươn lên trong thế giới tư bản chủ nghĩa là gì?

- A. Chạy đua vũ trang với các nước tư bản chủ nghĩa.
- B. Mở rộng lãnh thổ ra bên ngoài.
- C. Tăng cường tiềm lực kinh tế và quốc phòng.
- D. Tiến hành chiến tranh giành giật thuộc địa, mở rộng lãnh thổ.

Câu 9: Vì sao Duy tân Minh Trị là cuộc cách mạng tư sản?

- A. Do giai cấp tư sản lãnh đạo.
- B. Lật đổ chế độ phong kiến.
- C. Chính quyền từ phong kiến trở thành tư sản hóa.
- D. Xóa bỏ chế độ nông dân.

Câu 10: Ý nghĩa quan trọng nhất của cuộc duy tân Minh Trị là gì?

- A. Nhật giữ vững độc lập, chủ quyền và phát triển chủ nghĩa tư sản.
- B. Nhật trở thành nước tư bản đầu tiên ở châu Á.
- C. Nhật có điều kiện phát triển công thương nghiệp nhất ở châu Á.
- D. Sau cải cách nền kinh tế - xã hội ổn định.

Câu 11: Kinh tế Nhật Bản phát triển mau lẹ là do

- A. Việc đẩy mạnh công nghiệp hóa, tập trung công nghiệp, thương nghiệp và ngân hàng.
- B. Số tiền bồi thường chiến phí và của cải cướp được ở Triều Tiên và Trung Quốc
- C. Do sự bóc lột tàn tệ của giới chủ nhân.
- D. Ảnh hưởng của cách mạng Nga 1905

Câu 12: Vì sao gọi là cuộc chiến tranh thế giới?

- A. Chiến tranh xảy ra giữa nhiều nước đế quốc.
- B. Nhiều vũ khí hiện đại được sử dụng trong chiến tranh,
- C. Chiến tranh có đến 38 nước và nhiều thuộc địa tham gia.
- D. Hàng chục triệu người lao động bị thương vong vì lợi ích của giai cấp tư sản.

Câu 13: Cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX tình hình chủ nghĩa tư bản như thế nào?

- A. Phát triển không đều về kinh tế, chính trị
- B. Phát triển đồng đều nhau về kinh tế, chính trị
- C. Chậm phát triển về mọi mặt
- D. Chỉ phát triển về quân sự, hệ thống thuộc địa

Câu 14: Đại diện tiêu biểu cho phong trào cách mạng tư sản Trung Quốc đầu thế kỉ XX là ai?

- A. Lương Khải Siêu
- B. Khang Hữu Vi
- C. Vua Quang Tự
- D. Tôn Trung Sơn

Câu 15: Chiến tranh thế giới thứ nhất bùng nổ với sự kiện nào?

- A. Áo-Hung tuyên chiến với Xéc-bi (28-7-1914).
- B. Đức tuyên chiến với Nga (1-8-1914).
- C. Đức tuyên chiến với Pháp (3-8-1914).
- D. Anh tuyên chiến với Đức (4-8-1914).

Câu 16: Nguyên nhân cơ bản gây ra cuộc Chiến tranh thế giới thứ nhất là mâu thuẫn trước tiên giữa các đế quốc nào?

- A. Giữa đế quốc Anh với đế quốc Đức.
- B. Giữa đế quốc Đức với đế quốc Áo - Hung.
- C. Giữa đế quốc I-ta-li-a với đế quốc Anh, Pháp.
- D. Giữa đế quốc Anh, Pháp với đế quốc Đức.

Câu 17: Duyên cớ trực tiếp nổ ra cuộc Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 -1918)?

- A. Do hậu quả của cuộc chiến tranh Mỹ, Tây Ban Nha (1898).
- B. Do hậu quả của cuộc chiến tranh Anh - Bồ (1899 - 1902).
- C. Do hậu quả của cuộc chiến tranh Nga - Nhật (1904 - 1905).
- D. Do Thái tử Áo - Hung bị một phần tử Xéc-bi ám sát (ngày 28 - 06 - 1914).

Câu 18: Đế quốc nào được mệnh danh là “con hổ đói đến bàn tiệc muện”?

- A. Đế quốc Mỹ.
- B. Đế quốc Đức.
- C. Đế quốc Nhật Bản.
- D. Đế quốc Anh.

Câu 19: Tính chất của cuộc Chiến tranh thế giới thứ nhất là ?

- A. Chiến tranh đế quốc, xâm lược, phi nghĩa.
- B. Phe Liên minh phi nghĩa, phe Hiệp ước chính nghĩa.
- C. Phe Hiệp ước phi nghĩa, phe Liên minh chính nghĩa.
- D. Chính nghĩa thuộc về các nước thuộc địa.

Câu 20: Khi chiến tranh bùng nổ có một chính đảng kiên quyết chống chiến tranh, đó là đảng nào?

- A. Đảng Xã hội Dân chủ Đức
- B. Đảng Công nhân Xã hội dân chủ Nga.
- C. Đảng Quốc đại Ấn Độ.
- D. Đảng Xã hội Pháp.

2. Bài tập tự luận

Câu 1. Trình bày cuộc cách mạng Tân Hợi ở Trung Quốc năm 1911?

Câu 2. Trình bày cuộc Duy Tân Minh Trị ở Nhật Bản?

Câu 3. Nêu nguyên nhân, diễn biến chính của chiến tranh thế giới thứ nhất?

Câu 4. Trình bày kết cục và tính chất của chiến tranh thế giới thứ nhất 1914-1918?



Nguyễn Ngọc Lan

TTCM

Lưu Hoàng Trang



Trường THCS Ngọc Lâm

Tổ: Xã hội

**NỘI DUNG ÔN TẬP GIỮA KỲ
HỌC KỲ I – NĂM HỌC 2021-2022**

MÔN: GDCD

KHỐI: 8

I. Phần 1: Nội dung kiến thức cần ôn tập

1. Các đơn vị kiến thức đã học từ tuần 01 đến hết tuần 13

- Xây dựng tình bạn trong sáng lành mạnh
- Tôn trọng và học hỏi các dân tộc khác
- Góp phần xây dựng nếp sống căn hóa ở CĐDC
- Tự lập

2. Một số câu hỏi trọng tâm:

Câu 1:

a/ Thế nào là tình bạn? Nêu đặc điểm, biểu hiện, ý nghĩa của tình bạn trong sáng, lành mạnh và cách xây dựng tình bạn đẹp.

b/ Tìm 2 câu ca dao tục ngữ có nội dung về tình bạn?

Câu 2:

a/ Thế nào là tôn trọng và học hỏi các dân tộc khác? Nêu biểu hiện, ý nghĩa của nó đối với cá nhân và xã hội?

b/ Chúng ta cần phải học hỏi các dân tộc khác như thế nào?

Câu 3 :

a/ Thế nào là cộng đồng dân cư? Nêu nội dung xây dựng nếp sống văn hóa ở CĐDC?

b/ Em đã làm gì để góp phần xây dựng nếp sống văn hóa nơi em ở?

Câu 4:

a/ Thế nào là tự lập? Nêu biểu hiện, ý nghĩa của tự lập đối với cá nhân và xã hội?

b/ Em đã thể hiện bản thân là người tự lập như thế nào?

Phần 2: Một số dạng bài tập minh họa

1. Trắc nghiệm:

Câu 1: Tình bạn trong sáng có ở giới tính nào?

- A. Chỉ có ở giới nam.
- B. Chỉ có ở giới nữ.
- C. Chỉ có ở giới tính thứ 3.
- D. Mọi giới tính.

Câu 2: Tôn trọng và học hỏi các dân tộc khác là:

- A. Lấy cấp của người khác thành của mình
- B. Bắt chước người khác
- C. Học hỏi cái hay của người khác thành của mình



D. Chê bai người khác

Câu 3 : Câu tục ngữ: “Hữu thân hữu khổ” nói đến điều gì?

A. Đoàn kết. B. Trung thực. C. Tự lập. D. Tiết kiệm.

Câu 4 : Đối lập với tự lập là?

A. Tự tin. B. Ích kỉ. C. Tự chủ. D. Ý lại.

Câu 5: Việc liên kết đào tạo giữa các cơ sở giáo dục nước ngoài với các cơ sở giáo dục Việt Nam là nói đến việc học hỏi trong lĩnh vực nào?

A. Giáo dục và đào tạo. B. Kinh tế - xã hội.
C. Quốc phòng - An ninh. D. Khoa học - Kỹ thuật.

2. Bài tập:

Bài tập 1:

a/ Em sẽ làm gì nếu thấy bạn mình:

- Mắc khuyết điểm hoặc vi phạm kỷ luật ?
- Không che giấu khuyết điểm cho em ?

b/ Câu tục ngữ: “Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng”

Em hiểu câu tục ngữ trên như thế nào? Qua đó em rút ra được bài học gì cho mình?

Bài tập 2: Em hãy nêu những việc làm của em thể hiện việc giữ chữ tín với các đối tượng sau:

a/ Thầy cô giáo

b/ Anh em, bạn bè

Bài tập 3: Nếu chứng kiến cảnh các bạn lớp mình chế giễu, trêu chọc một bạn khuyết tật thì em sẽ làm gì?

Bài tập 4: Cho tình huống:

Đã là học sinh lớp 8, sức khỏe tốt nhưng ngày nào Lam cũng bắt mẹ đưa ra trường, dù nhà Lam đến trường chỉ có 2km.

a/ Em có suy nghĩ gì về việc làm của Lam.

b/ Nếu em là bạn của Lam, em sẽ làm như thế nào?



Nguyễn Ngọc Lan

TTCM

Lưu Hoàng Trang

TRƯỜNG THCS NGỌC LÂM
TỔ: TOÁN – TIN- CÔNG NGHỆ

NỘI DUNG ÔN TẬP CUỐI KỲ - HỌC KỲ I
NĂM HỌC 2021-2022
MÔN: Công nghệ
KHỐI: 8

I. Phần 1: Nội dung kiến thức cần ôn tập

1. Các đơn vị kiến thức đã học từ tuần 01 đến hết tuần 13
2. Một số câu hỏi trọng tâm:

Câu 1: Có các phép chiếu nào? Mỗi phép chiếu có đặc điểm gì ?

Câu 2: Tên gọi và vị trí các hình chiếu trên bản vẽ kỹ thuật như thế nào ?

Câu 3: Trình tự đọc bản vẽ lắp ? Nêu cấu tạo, đặc điểm và ứng dụng của khớp tịnh tiến?

Câu 4: Ren dùng để làm gì? Thế nào là ren trục, ren lỗ ?

Câu 5: Cách tạo thành hình trụ, hình nón, hình cầu ?

Câu 6: Kim loại màu gồm những gì? Tỷ lệ các bon càng lớn thì vật liệu sẽ như thế nào?

Câu 7: Nêu tính chất cơ bản của vật liệu cơ khí?

Câu 8: Dụng cụ cơ khí gồm những loại nào? Kể tên và nêu công dụng của từng loại?

Câu 9: Chi tiết máy là gì? Phân loại chi tiết máy? Chi tiết máy được lắp ghép với nhau như thế nào?

Câu 10: Mối ghép không tháo được gồm mấy loại? Nêu đặc điểm và ứng dụng của chúng

Câu 11 : Nêu cấu tạo , ứng dụng và tỉ số truyền của bộ truyền động ăn khớp, truyền động ma sát - truyền động đai

Phần 2: Một số dạng bài tập minh họa

Câu 1: Em hãy cho biết kim loại màu gồm?

- | | |
|-------------------------------|---|
| A. Đồng | B. Nhôm |
| C. Hợp kim đồng, hợp kim nhôm | D. Đồng, nhôm, hợp kim đồng, hợp kim nhôm |

Câu 2: Em hãy cho biết vật liệu có tỉ lệ cacbon càng cao thì:

- | | |
|-----------------------|-------------------------------|
| A. Vật liệu càng cứng | B. Vật liệu càng giòn |
| C. Vật liệu càng dẻo | D. Vật liệu càng cứng và giòn |

Câu 3 : Em hãy liệt kê các tính chất cơ bản của vật liệu cơ khí

- A. Tính dẫn điện, tính chất hóa học, tính công nghệ, tính cơ học.
- B. Tính chất vật lí, tính chất hóa học, tính công nghệ, tính cơ học.
- C. Tính chất vật lí, tính chất hóa học, tính công nghệ, tính axit ăn mòn.
- D. Tính chất vật lí, Tính cứng, tính công nghệ, tính cơ học.

Câu 4: Em hãy tóm tắt các đặc tính thuộc tính chất vật lí của kim loại

- A. Tính dẫn nhiệt, tính dẫn điện, khối lượng riêng, nhiệt độ nóng chảy
- B. Tính dẻo, tính dẫn nhiệt, tính dẫn điện, tính đúc.
- C. Tính dẫn điện, khối lượng riêng, tính dẫn nhiệt, tính hàn.



D. Khối lượng riêng, tính bền, nhiệt độ nóng chảy.

Câu 5: Em hãy phân biệt đầu là nhóm dụng cụ đo và kiểm tra

- A. Cân, thước, bình chia độ, mỏ lết
B. Thước, cờ lê, nhiệt kế, cân
C. Thước lá, thước cặp, thước đo góc
D. Ke vuông, thước, cân, kim

Câu 6 : Đầu là nhóm dụng cụ tháo lắp và kẹp chặt

- A. Êtô, tua vít, búa
B. Kim, cưa, dũa
C. Búa, cưa, dũa
D. Êtô, cờ lê, kim, mỏ lết

Câu 7: Dụng cụ cơ khí gồm

- A. Dụng cụ đo và kiểm tra
B. Dụng cụ tháo lắp và kẹp chặt
C. Dụng cụ gia công
D. Dụng cụ đo và kiểm tra, dụng cụ tháo lắp và kẹp chặt, dụng cụ gia công

Câu 8. Dụng cụ nào dùng để tạo độ nhẵn, phẳng trên bề mặt vật liệu ?

- A. Đục
B. Dũa
C. Cưa
D. Búa

Câu 9: Dụng cụ nào sau đây không dùng để tháo, lắp và kẹp chặt ?

- A. Mỏ lết
B. Cưa
C. Cờ lê
D. Tua vít

Câu 10: Chức năng chính của tua-vít là ?

- A. Dùng để tháo - lắp các loại bulông
B. Dùng để kẹp chặt vật
C. Dùng để tháo – lắp các loại vít.
D. Dùng để cắt vật

Câu 11: Đầu là các mối ghép tháo được:

- A. Mối ghép bằng then, mối ghép bu lông, mối ghép đinh tán.
B. Mối ghép bằng chốt, mối ghép hàn, mối ghép đinh tán.
C. Mối ghép vít cấy, mối ghép bu lông, mối ghép bằng then.
D. Mối ghép đinh vít, mối ghép bu lông, mối ghép hàn.

Câu 12: Mối ghép không tháo được gồm ?

- A. Mối ghép bằng đinh tán, Mối ghép bằng ren
B. Mối ghép bằng đinh tán, Mối ghép bằng vít
C. Mối ghép bằng đinh tán, Mối ghép bằng hàn
D. Mối ghép bằng đinh tán, Mối ghép bằng vít cấy

Câu 13: Đặc điểm mối ghép bằng đinh tán là:

- A. Vật liệu tấm ghép không hàn được hoặc khó hàn
B. Mối ghép phải chịu nhiệt độ cao
C. Mối ghép phải chịu lực lớn và chấn động mạnh

D. Vật liệu tấm ghép không hàn được hoặc khó hàn, chịu được nhiệt độ cao, chịu lực lớn, chấn động mạnh.

Câu 14: Ứng dụng mối ghép bằng đinh tán:

- A. Ứng dụng trong kết cấu cầu
- B. Ứng dụng trong giàn cần trục
- C. Ứng dụng trong các dụng cụ sinh hoạt gia đình
- D. Ứng dụng trong kết cấu cầu, giàn cần trục, dụng cụ sinh hoạt gia đình

Câu 15: Trong các phần tử sau, phần tử nào không phải là chi tiết máy?

- A. Mảnh vỡ máy
- B. Bu lông
- C. Đai ốc
- D. Bánh răng

Câu 16: Mọi điểm trên vật tịnh tiến có chuyển động:

- A. Khác nhau
- B. Giống hệt nhau
- C. Gần giống nhau
- D. Quay tròn

Câu 17: Đối với khớp tịnh tiến, để giảm ma sát, người ta sẽ:

- A. Sử dụng vật liệu chịu mài mòn
- B. Làm nhẵn bóng các bề mặt
- C. Bôi trơn bằng dầu, mỡ
- D. Sử dụng vật liệu chịu mài mòn, làm nhẵn bóng các bề mặt và bôi trơn bằng dầu mỡ

Câu 18 : Cấu tạo bộ truyền bánh răng gồm?

- A. Đĩa dẫn, đĩa bị dẫn
- B. Bánh dẫn, bánh bị dẫn
- C. Đĩa dẫn, đĩa bị dẫn, xích
- D. Bánh dẫn, bánh bị dẫn, dây đai

Câu 19: Bộ truyền động xích ứng dụng trong các thiết bị nào?

- A. Xe đạp
- B. Xe máy
- C. Máy nâng chuyển
- D. Xe đạp, xe máy, máy nâng chuyển

Câu 20. Hình chiếu đứng có hướng chiếu.

- A. Hướng chiếu từ trước tới.
- B. Có hướng chiếu từ trên xuống.
- C. Hướng chiếu từ trái sang.
- D. Từ phải sang



BGH duyệt

Nguyễn Thị Thu Hằng

TTCM/ NTCM

Phạm Thị Hải Yến



TRƯỜNG THCS NGỌC LÂM
TỔ: ANH – NĂNG KHIẾU

NỘI DUNG ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ I
NĂM HỌC: 2021 – 2022
MÔN MĨ THUẬT – KHỐI 8

I, KIẾN THỨC – KỸ NĂNG CẦN ÔN TẬP:

- Hiểu cách khai thác nội dung đề tài CHÀO MỪNG NGÀY NHÀ GIÁO VIỆT NAM.
- HS vẽ được một bức tranh đề tài ước mơ của em theo sở thích.
- HS yêu mến, trân trọng những cảm xúc của cuộc sống.

II, KĨ NĂNG – KĨ THUẬT CẦN ĐẠT

1. Nội dung tư tưởng chủ đề:

- Xác định được nội dung phù hợp với đề tài
- Vẽ đúng nội dung đề tài.

2. Hình ảnh

- Hình ảnh thể hiện nội dung
- Hình ảnh sinh động, phù hợp với nội dung
- Hình ảnh chọn lọc, đẹp, phong phú.

3. Bố cục

- Sắp xếp được bố cục đơn giản
- Sắp xếp bố cục có hình ảnh nhóm chính, nhóm phụ
- Bố cục sắp xếp đẹp, sáng tạo, hấp dẫn

4. Đường nét

- Nét vẽ thể hiện nội dung tranh
- Nét vẽ tự nhiên, đúng hình
- Nét vẽ tự nhiên có cảm xúc. Hình đẹp, tạo được phong cách riêng

5. Màu sắc

- Lựa chọn gam màu theo ý thích
- Màu vẽ có trọng tâm, có đậm nhạt



Nguyễn Ngọc Lan

TTCM

Nguyễn Thị Quỳnh Diệp

Trường THCS Ngọc Lâm
Tổ Anh – Năng Khiếu

NỘI DUNG ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ I – MÔN THỂ DỤC
NĂM HỌC 2020 – 2021
MÔN THỂ DỤC- KHỐI 8

I. Kiến thức cần ôn

1. Ôn tập nội dung Đá cầu
2. Ôn tập nội dung Bài thể dục liên hoàn 35 động tác.

II. Kỹ năng - kỹ thuật cần đạt

- Thực hiện cơ bản đúng kỹ thuật tăng cầu bằng mu bàn chân, duỗi thẳng mu bàn chân.
- Thực hiện bài thể dục phát triển chung 35 động tác, đúng nhịp, đúng biên độ, và thuộc bài .

III. Hình thức kiểm tra

- Trực tuyến hoặc quay video gửi bài.



Tổ trưởng CM

Nguyễn Thị Quỳnh Diệp

TRƯỜNG THCS NGỌC LÂM
TỔ: ANH – NĂNG KHIẾU

NỘI DUNG ÔN TẬP HỌC KÌ I
NĂM HỌC: 2021 – 2022
MÔN: ÂM NHẠC – KHỐI 8

I, KIẾN THỨC CẦN ÔN TẬP:

1. Ôn tập 4 bài hát:

- Mùa thu ngày khai trường
- Lí đĩa bánh bò
- Tuổi hồng
- Hò ba lí

2. Ôn 3 phần nhạc lí

- Gam thứ, giọng thứ
- Giọng song song, giọng La thứ hòa thanh
- Thứ tự các dấu thăng, giáng ở hóa biểu – Giọng cùng tên

3. Tập đọc nhạc:

- TĐN số 1, 2, 3, 4

II, KỸ NĂNG – KỸ THUẬT CẦN ĐẠT

- Thực hiện đúng các yêu cầu của bài: hát đúng kỹ thuật, thuộc lời, TĐN đúng cao độ, trường độ, gõ đúng tiết tấu, nhịp phách
- Nắm vững các kiến thức về nhạc lí để sử dụng cho bài hát và bài TĐN

III, HÌNH THỨC KIỂM TRA:

- Thực hành: Tại phòng học zoom của các lớp
- Kiểm tra theo nhóm hoặc từng học sinh



Nguyễn Ngọc Lan

TCCM

Nguyễn Thị Quỳnh Diệp